

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 28 - 4 - 2025.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Bà Hoàng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tụ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện trú tại: Đ, X, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Đinh Văn D, sinh năm 1994. Trú tại: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Chị kết hôn với anh Đinh Văn D ngày 27 tháng 10 năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình

thường được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh D ngoại tình, ham chơi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đinh Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2020, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã T: Ngày 27 tháng 10 năm 2022, anh Đinh Văn D và chị Nguyễn Thị Tuyết N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Anh D và chị N có 01 con chung là Đinh Nguyễn Quỳnh A sinh ngày 12 tháng 7 năm 2020.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 4 năm 2025, chị Đinh Thị L (chị gái anh D) trình bày:

Anh Đinh Văn D và chị Nguyễn Thị Tuyết N kết hôn năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống giữa anh D chị N có mâu thuẫn không, chị không biết vì chị lấy chồng ở thôn khác.

Anh D chị N có một con chung Đinh Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2020, hiện đang ở với chị N.

Về tài sản chung, công nợ chung, theo chị L cung cấp: anh D chị N có tài sản chung là 01 điều hòa, 01 quạt hơi nước, 01 xe máy. Anh chị có vay nợ của anh Nguyễn Văn M (là chồng chị Đinh Thị V, chị gái anh D) trú tại xóm V, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định số tiền khoảng 40.000.000 đồng.

Chị L có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập. Chị có thông báo cho anh D biết nội dung các văn bản trên qua mạng xã hội Zalo vì anh D hiện đang đi làm xa, chị L không biết địa chỉ cụ thể. Anh D có trao đổi với chị L: anh không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Chị L đề nghị chị Nguyễn Thị Tuyết N liên lạc với anh D để giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị L đã cung cấp các nội dung trên nhưng không ký vào biên bản lấy lời khai.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, chị Nguyễn Thị Tuyết N có bản tự khai trình bày quan điểm đối với các nội dung của chị L như sau:

Chị N xác nhận vợ chồng anh chị có tài sản chung là 01 điều hòa, 01 quạt hơi nước và 01 xe máy giấy tờ xe mang tên chị N. Anh chị đã trao đổi, thống nhất để chị sử dụng các tài sản trên phục vụ sinh hoạt hàng ngày và nuôi con Đinh Nguyễn Quỳnh A.

Đối với số tiền nợ anh Đinh Văn M1, chị N xác nhận vợ chồng có nợ anh M1 số tiền khoảng 35.000.000đồng – 36.000.000đồng. Chị N nhận trách nhiệm thông báo khoản nợ trên cho anh D biết và có trách nhiệm trả anh M1 khi anh có yêu cầu. Chị đề nghị tòa án không giải quyết về tài sản chung công nợ chung trong vụ án ly hôn này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị N anh D đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đinh Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2020 của chị N. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị N phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N anh D là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Đinh Văn D kết hôn ngày 23 tháng 10 năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định,

là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết anh D không có mặt.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh D đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Đinh Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2020. Hiện nay con chung đang ở với chị N, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Cháu Đinh Nguyễn Quỳnh A hiện nay đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, ổn định học tập đối với con chung, HĐXX thấy cần giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đinh Nguyễn Quỳnh A là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của chị N về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị N không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Đinh Văn D.
2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Tuyết N có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Đinh Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2020. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đinh Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004229 ngày

06/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị N phải nộp. Chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, anh Đinh Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã/phường/thị trấn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Dũng